

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2022

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Thông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lâm Ngọc L, sinh năm 1973; HKTT: Ấp L, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1975; HKTT: Ấp L, xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn ngày 25/4/2022, quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà L trình bày:**

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông H chung sống với nhau từ năm 2002. Hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Dầu Tiếng

vào ngày 07/8/2002. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, ông H và bà L hay cãi nhau. Thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không còn tình cảm nên bà L làm đơn xin được ly hôn với ông H.

- *Về con chung*: Có 02 con chung tên Nguyễn Lâm Quế A, sinh năm 2002 và Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 02/3/2007. Bà L yêu cầu nuôi con chung Nguyễn Phát Đ và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Con chung Nguyễn Lâm Quế A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ nguyên đơn bà L giao nộp: Bản chính đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 25/4/2022; bản sao giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy khai sinh của con chung.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2022, bị đơn ông H trình bày:** Ông H thống nhất với ý kiến bà L về quá trình sống chung, đăng ký kết hôn và con chung. Ông H có trình bày rằng vợ chồng ông đều là người nóng tính, sống chung hay cãi nhau nhưng là chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống. Trước yêu cầu ly hôn của bà L thì ông không đồng ý.

*** Xác minh và làm việc của Tòa án:**

Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành xác minh đối với công an ấp L, xác định: Vợ chồng bà L hay gây gổ cãi nhau. Ông H là người nóng tính, nhiều lần hăm dọa, đập phá đồ đạc của bà L.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:**

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đã thực hiện đầy đủ việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho các bên đương sự. Tại phiên tòa, đã có mặt nguyên đơn bà L, bị đơn ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Việc vắng mặt của bị đơn ông H là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt đương sự theo các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà L có mặt, bị đơn ông H đã được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành

tổ tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn ông H thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa là cố tình nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà L khởi kiện tranh chấp ly hôn và nuôi con chung đối với bị đơn ông H, ông H có hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng và quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Theo đơn xin ly hôn, bà L khởi kiện ly hôn với ông H; yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phát Đ và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Quá trình tố tụng, bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung. Ông H không hợp tác, không tham gia tố tụng giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

[4.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà L và ông H chung sống với nhau từ năm 2002. Hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Dầu Tiếng vào năm 2002. Hôn nhân giữa bà L và ông H đã thực hiện đúng thủ tục quy định nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong thời gian chung sống, bà L và ông H xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do sống chung không hợp, không ai quan tâm, chăm sóc nhau; ông H là người nóng tính, hay đập phá đồ đạc, la mắng bà L; hiện vợ chồng không còn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H cố tình vắng mặt, điều này thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm. Thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà L và ông H có con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 02/3/2007. Xét thấy, cháu Đạt cũng có nguyện vọng được sống cùng với mẹ nên Hội đồng xét xử giao cháu cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Đối với con chung Nguyễn Lâm Quế A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[4.3] *Về cấp dưỡng*: Bà L tự nguyện nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng, đây là ý kiến tự nguyện của bà L và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] *Về tài sản chung*: Bà L xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.5] *Về nợ chung*: Bà L không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng về quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa cũng như nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Bà L tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 107 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Lâm Ngọc L và ông Nguyễn Thanh H.

1.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lâm Ngọc L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh H.

1.2. *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Bà Lâm Ngọc L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 02/3/2007 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung Nguyễn Lâm Quế A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

1.3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà L không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Lâm Ngọc L phải chịu toàn bộ số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0007494 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 28/9/2022).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nam